TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN PHÚ NHUẬN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 695/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 23-7-2024
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Thu Hương

2. Ông Nguyễn Minh Tấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thanh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Nam Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 0522/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 152/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lữ Thị Oanh N, sinh năm 1979 (có mặt).

Nơi cư trú: 2 N, Phường G, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Lê Hữu T, sinh năm 1977 (có mặt).

Nơi cư trú: 2 N, Phường G, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/5/2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lữ Thị Oanh N trình bày:

Bà Lữ Thị Oanh N và ông Lê Hữu T tự nguyện kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 48, quyển số 01/2010 ngày 07/6/2010 tại Ủy ban nhân dân Phường I, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong thời gian chung sống hai bên phát sinh mâu thuẫn, không thể hàn gắn. Bà Lữ Thị Oanh N yêu cầu ly hôn với ông Lê Hữu T.

Về con chung: Bà N và ông T có 01 (một) con chung là trẻ Lê Thanh H, sinh ngày 07/02/2010. Bà Lữ Thị Oanh N yêu cầu trực tiếp nuôi con chung đến khi thành niên và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lữ Thị Oanh N tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Lê Hữu T trình bày:

Ông Lê Hữu T thống nhất với lời trình bày của bà Lữ Thị Oanh N về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Trong thời gian chung sống hai bên phát sinh mâu thuẫn nhưng không trầm trọng. Ông T muốn đoàn tụ gia đình nên không đồng ý ly hôn với bà N. Trong trường hợp buộc phải ly hôn theo phán quyết của Tòa án, ông T đồng ý giao con chung là trẻ Lê Thanh H, sinh ngày 07/02/2010 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên và ông cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng, thực hiện vào ngày 20 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 7/2024.

Bà Lữ Thị Oanh N và ông Lê Hữu T khẳng định các chứng cứ đã được giao nộp, tiếp cận, công khai trong quá trình giải quyết vụ án. Ngoài những chứng cứ đã thu thập tại hồ sơ, không có chứng cứ nào khác cung cấp cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về thẩm quyền:

Nguyên đơn bà Lữ Thị Oanh N yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Lê Hữu T hiện đang cư trú tại quận P, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ kiện thuộc thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 48, quyển số 01/2010 ngày 07/6/2010 tại Ủy ban nhân dân Phường I, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà Lữ Thị Oanh N và ông Lê Hữu T là hợp pháp.

Xét thấy, vợ chồng phải thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng chia sẻ mọi việc trong cuộc sống nhưng cuộc sống vợ chồng giữa bà N và ông T đã không còn sự chia sẻ, quan tâm lẫn nhau dẫn đến nhiều mâu thuẫn phát sinh không thể khắc phục. Mặt khác, tình cảm của bà N dành cho ông T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà N yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống là phù hợp quy định tại các Điều 55, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Căn cứ vào Giấy khai sinh số 75-QH, quyển số 01/2010, ngày 07/6/2010 của Ủy ban nhân dân Phường I, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh có cơ sở

xác định bà Lữ Thị Oanh N và ông Lê Hữu T có 01 con chung là trẻ Lê Thanh H, sinh ngày 07/02/2010.

Xét, bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ H đến khi thành niên và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Nguyện vọng được trực tiếp nuôi con của bà N xuất phát từ tình thương và trách nhiệm đối với con cái. Tuy nhiên, việc giao con cho người trực tiếp nuôi dưỡng phải cân nhắc tới việc đảm bảo cuộc sống của con về mọi mặt. Do đó, vì bảo đảm lợi ích cho sự phát triển ổn định của trẻ, tránh ảnh hưởng tâm lý do thay đổi môi trường sống, và phù hợp với nguyện vọng của ông T nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N về việc được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Lê Thanh H.

Ghi nhận việc ông Lê Hữu T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 (năm triệu đồng), thực hiện vào ngày 20 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 07/2024 cho đến khi con chung thành niên.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lữ Thị Oanh N và ông Lê Hữu T tự khai không có, không yêu cầu giải quyết.

[3] Về án phí:

Bà Lữ Thị Oanh N và ông Lê Hữu T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 48; Điều 147; Điều 264 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lữ Thị Oanh N và ông Lê Hữu T.

1.2 Về con chung: Bà Lữ Thị Oanh N và ông Lê Hữu T có 01 (một) con chung là trẻ Lê Thanh H, sinh ngày 07/02/2010. Giao trẻ Lê Thanh H, sinh ngày 07/02/2010 cho bà Lữ Thị Oanh N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên. Ghi nhận việc ông Lê Hữu T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 (năm triệu đồng), thực hiện vào ngày 20 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 07/2024 cho đến khi con chung thành niên.

Quyền và nghĩa vụ của bà Lữ Thị Oanh N và ông Lê Hữu T đối với con chưa thành niên được pháp luật bảo đảm. Vì lợi ích của trẻ, việc trực tiếp nuôi con và đóng

góp cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

1.3 Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lữ Thị Oanh N và ông Lê Hữu T tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí Tòa án:

Bà Lữ Thị Oanh N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn đồng), nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0032492 ngày 14/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà N đã nộp đủ án phí.

Ông Lê Hữu T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ là 300.000 (ba trăm nghìn đồng).

3. Về nghĩa vụ thi hánh án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án bà Lữ Thị Oanh N (đối với các khoản tiền phải trả cho bà N) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án ông Lê Hữu T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án tân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Bà Lữ Thị Oanh N và ông Lê Hữu T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND quận Phú Nhuận;
- CC THADS quận Phú Nhuận;
- Ủy ban nhân dân Phường I, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Thu Quỳnh